

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index đã vượt ngưỡng 1,300 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,304.56 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 11/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Thị trường chính thức vượt qua ngưỡng kháng cự mạnh 1,300 điểm với thanh khoản cải thiện rõ rệt. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển giữa các lớp cổ phiếu với đà hỗ trợ của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. VN-Index có thể tiếp tục quán tính hướng đến mốc 1,315 điểm, tuy nhiên chúng tôi tiếp tục lưu ý về khả năng rung lắc tại ngưỡng cản xung quanh 1,300 điểm trong thời gian tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/02/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+7.81** điểm, đóng cửa tại **1304.56** điểm. HNX-Index **+0.92** điểm, đóng cửa tại **238.49** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.99)**, **VNM (+1.24)**, **VCB (+0.53)**, **CTG (+0.51)**, **REE (+0.35)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.52)**, **FRT (-0.16)**, **HVN (-0.16)**, **VTP (-0.12)**, **BCM (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,498** tỷ đồng, tăng **28.03%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,046 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.87 điểm. Thị trường có **260** mã tăng, **83** mã tham chiếu, **194** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-258.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-249.68 tỷ)**, **HPG (-151.88 tỷ)**, **FRT (-70.79 tỷ)**, **CTG (-54.08 tỷ)**, **CII (-52.06 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.29** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.62%**. Các mã diễn biến tích cực: **HPG (+4.73%)**, **VNM (+3.91%)**, **PVD (+2.07%)**.
- BSC50 **+0.56%**. Các mã diễn biến tích cực: **BSI (+6.90%)**, **PHR (+4.81%)**, **REE (+4.17%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.62%	0.56%	0.60%	0.80%
1 tuần	1.88%	2.14%	2.50%	2.29%
1 tháng	0.75%	4.94%	3.12%	2.01%
3 tháng	0.72%	5.63%	5.03%	5.03%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,304.56	238.49	100.21
% 1D	0.60%	0.39%	-0.40%
GTGD (tỷ VND)	18,498	1,108	1,029
%1D	28.03%	10.42%	23.71%
GDNN (tỷ VND)	-258.93	1.29	-26.28

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	192.63	FPT	-249.68
MWG	130.57	HPG	-151.88
SHB	49.67	FRT	-70.79
GEX	39.27	CTG	-54.08
HDB	36.22	CII	-52.06

Thị trường thế giới

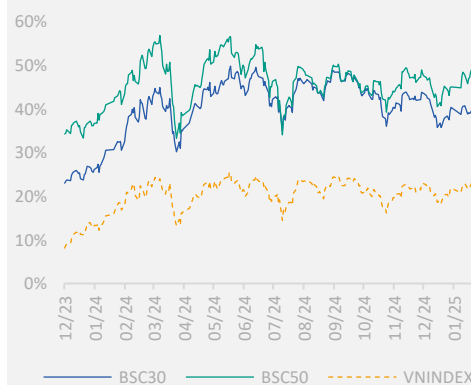
		%D	%W
SPX	6,013	-1.71%	-1.66%
FTSE100	8,658	-0.02%	-1.26%
Eurostoxx	5,460	-0.07%	-1.04%
Shanghai	3,374	-0.17%	0.53%
Nikkei	38,373	-1.06%	-2.12%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	74.34	-0.13%
Giá vàng	2,946	0.27%
Tỷ giá		
USD/VND	25,670	-0.04%
EUR/VND	27,553	0.43%
JPY/VND	175	1.16%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.2%	-0.03%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

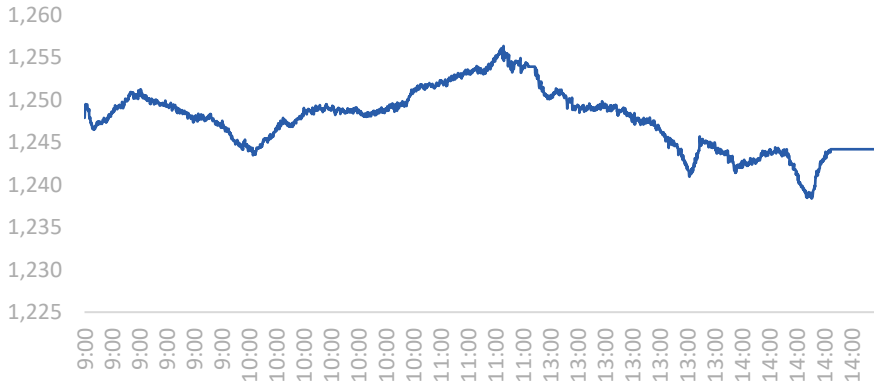
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1368.00	0.85%	88	57%	9/18/2025	206
VN30F2504	1365.60	0.86%	373	122%	4/17/2025	52
VN30F2503	1366.30	0.92%	170,128	2%	3/20/2025	24
VN30F2506	1366.50	0.73%	143	127%	6/19/2025	115

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +10.79 điểm, đóng cửa tại 1364.52 điểm. Biên độ dao động 12.00 điểm. Các cổ phiếu như HPG, VNM, LPB, HDB, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với thanh khoản hỗ trợ đà tăng của chỉ số. Chiến lược là Long/short linh hoạt, ưu tiên canh Long.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2411	3/28/2025	32	318,800	-87.00%	3.00	150	87.5%	6.18	3.60	27.70	27.70
CHPG2403	3/6/2025	10	1,407,300	-88.27%	3.05	50	66.7%	6.16	3.25	27.70	27.70
CVNM2405	4/28/2025	63	385,600	-87.06%	6.75	380	65.2%	14.39	8.26	63.80	63.80
CHPG2412	6/30/2025	126	412,600	-83.49%	3.13	360	44.0%	6.15	4.57	27.70	27.70
CVNM2501	5/26/2025	91	899,100	-84.53%	6.45	690	40.8%	11.58	9.87	63.80	63.80
CVNM2408	3/28/2025	32	956,100	-87.17%	7.63	70	40.0%	7.08	8.18	63.80	63.80
CHPG2503	5/26/2025	91	88,900	-80.29%	2.70	1,380	34.0%	12.52	5.46	27.70	27.70
CVNM2406	7/28/2025	154	92,500	-84.35%	6.85	790	33.9%	14.38	9.98	63.80	63.80
CHPG2407	4/28/2025	63	6,590,400	-80.51%	2.60	700	32.1%	6.28	5.40	27.70	27.70
CTPB2404	3/28/2025	32	17,800	-85.52%	1.79	170	30.8%	3.82	2.47	17.05	17.05
CHPG2507	6/30/2025	126	77,400	-82.09%	2.96	1,000	25.0%	12.39	4.96	27.70	27.70
CHPG2409	11/4/2025	253	5,425,200	-72.89%	2.50	1,670	22.8%	8.43	7.51	27.70	27.70
CHPG2408	7/28/2025	154	6,911,200	-77.55%	2.70	880	22.2%	6.26	6.22	27.70	27.70
CVNM2502	10/27/2025	245	37,400	-77.99%	6.55	1,510	21.8%	11.58	14.04	63.80	63.80
CHPG2501	6/26/2025	122	214,500	-76.71%	2.55	1,300	21.5%	8.40	6.45	27.70	27.70
CHPG2504	10/27/2025	245	46,100	-75.52%	2.90	1,940	21.3%	12.45	6.78	27.70	27.70
CHPG2410	8/14/2025	171	25,500	-74.30%	2.80	1,080	20.0%	6.24	7.12	27.70	27.70
CVNM2407	11/4/2025	253	619,800	-82.80%	6.75	710	18.3%	9.62	10.97	63.80	63.80
CSTB2412	3/28/2025	32	288,300	-84.19%	3.87	590	18.0%	8.89	6.23	39.40	39.40
CVNM2401	5/21/2025	86	1,151,500	-81.65%	6.33	700	16.7%	7.50	11.71	63.80	63.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 24/02/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2411 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 87.50%. CHPG2409 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.42%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CVPB2504, CSTB2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2403, CFPT2402, CVIB2503, CSTB2503, CVHM2504 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.70	4.73%	4.23
VNM	63.80	3.91%	1.91
LPB	36.80	1.10%	1.05
HDB	23.45	1.74%	0.98
STB	39.40	1.42%	0.97

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	140.50	-1.06%	-1.29
ACB	26.15	-0.19%	-0.18
VIC	40.60	-0.12%	-0.05
VHM	40.25	-0.12%	-0.05
PLX	43.00	-0.46%	-0.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	27.70	4.73%	1.99	6.40
VNM	63.80	3.91%	1.24	2.09
VCB	93.50	0.43%	0.53	5.59
CTG	41.90	0.96%	0.51	5.37
REE	75.00	4.17%	0.35	0.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

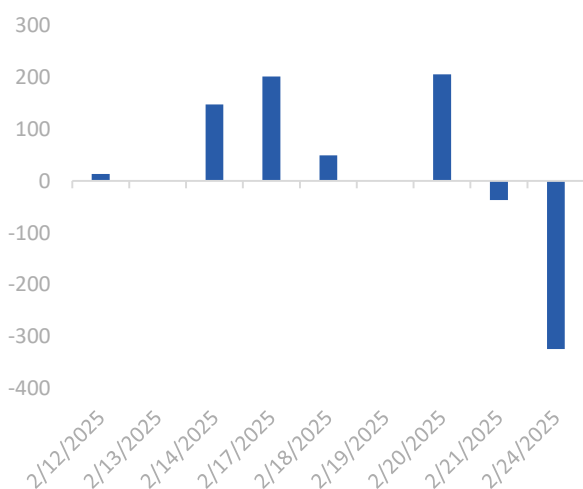
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	29.30	2.81%	0.29	0.57
IDC	57.00	1.79%	0.21	0.33
SHS	14.50	2.11%	0.15	0.81
PVS	34.70	1.17%	0.12	0.48
L18	45.10	9.20%	0.10	0.04

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	140.50	-1.06%	-0.52	1.47
FRT	178.80	-2.83%	-0.16	0.14
HVN	27.90	-1.06%	-0.16	2.21
VTP	148.00	-2.76%	-0.12	0.12
BCM	74.50	-0.53%	-0.10	1.04

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

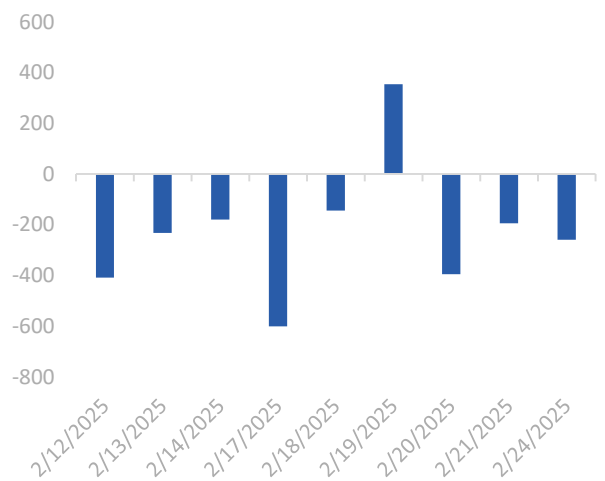
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	213.00	-9.97%	-2.63	0.20
VIF	19.40	-9.77%	-0.41	0.35
HGM	295.00	-7.81%	-0.18	0.01
HUT	17.10	-1.16%	-0.11	0.89
MVB	25.50	-5.90%	-0.10	0.11

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	93.5	0.4%	0.4	520,344	194.5	6,053	15.4		22.8%	
BID	Ngân hàng	41.1	0.5%	1.0	282,108	171.1	3,575	11.4		16.8%	
VPB	Ngân hàng	19.6	0.5%	1.0	154,315	441.6	1,989	9.8	25,500	24.9%	Link
FPT	Công nghệ	140.5	-1.1%	1.0	208,892	1055.2	5,365	26.5	163,000	44.7%	Link
TCB	Ngân hàng	26.5	0.0%	1.3	187,219	615.4	3,054	8.7	31,400	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.0	0.4%	1.0	139,742	315.6	3,729	6.1	26,300	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	39.4	1.4%	1.1	73,241	284.6	5,351	7.3		22.7%	
CTG	Ngân hàng	41.9	1.0%	1.1	222,855	301.9	4,719	8.8		26.8%	
ACB	Ngân hàng	26.2	-0.2%	0.8	117,026	188.5	3,759	7.0		30.0%	
SSI	Chứng khoán	25.9	2.0%	1.6	49,733	649.0	1,536	16.5		39.0%	
IDC	BĐS KCN	57.0	1.8%	1.3	18,480	73.7	6,050	9.3		22.2%	
HPG	VLXD	27.7	4.7%	1.2	169,181	2073.7	1,879	14.1	37,500	21.6%	Link
HSG	VLXD	17.9	2.0%	1.7	10,898	199.5	935	18.8	22,700	9.1%	Link
VHM	BĐS	40.3	-0.1%	1.2	165,529	391.5	7,286	5.5		12.1%	
KDH	BĐS	33.7	0.0%	1.2	34,025	43.5	862	39.0		37.1%	
NLG	BĐS	32.7	-0.6%	1.6	12,669	61.2	1,331	24.7		41.3%	
DGC	Hóa chất	109.5	0.0%	1.5	41,586	139.1	7,870	13.9	111,400	16.9%	Link
DCM	Phân bón	35.6	-0.8%	1.3	19,005	65.5	2,518	14.3	41,100	5.7%	Link
GAS	Dầu khí	68.6	0.3%	0.6	160,239	72.7	4,439	15.4	83,100	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	34.7	1.2%	1.1	16,394	75.4	2,473	13.9	40,300	18.8%	Link
PVD	Dầu khí	24.6	2.1%	1.2	13,397	98.7	1,252	19.3	29,900	9.8%	Link
POW	Tiện ích	12.4	0.0%	0.9	28,922	45.3	535	23.1		3.7%	
VHC	Thủy sản	70.5	-0.7%	1.4	15,936	28.9	5,496	12.9	70,000	27.0%	Link
GMD	Logistics	61.9	-0.2%	0.7	25,667	50.3	4,634	13.4		44.3%	
VNM	Bán lẻ	63.8	3.9%	0.5	128,323	723.3	4,494	13.7		50.4%	
MSN	Bán lẻ	67.6	0.0%	1.2	97,233	733.1	1,345	50.3		25.6%	
MWG	Bán lẻ	58.4	0.5%	1.7	84,912	879.4	2,544	22.8		44.6%	
PNJ	Bán lẻ	94.6	0.3%	0.8	31,864	18.5	6,305	15.0	111,500	48.9%	Link
DGW	Bán lẻ	39.2	1.2%	2.0	8,493	38.6	2,042	19.0	41,800	19.3%	Link
CTR	Công nghệ	118.1	-2.0%	1.1	13,783	56.1	4,709	25.6		8.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
C4G	Xây dựng	9.0	0.27%	2.1	3,231	7.8	700	12.9	0.8	0.0%	4.7%
PLC	Dầu khí	26.7	3.09%	1.5	2,093	18.5	1,386	18.7	1.7	0.4%	3.4%
GVR	BĐS KCN	32.5	0.15%	1.9	129,600	106.2	859	37.7	2.4	0.4%	8.2%
BSR	Dầu khí	20.2	0.00%	0.0	62,475	42.2	91	221.6	1.1	0.5%	1.1%
ANV	Thủy sản	17.3	-0.29%	1.7	4,606	20.7	1,082	16.0	1.7	0.8%	1.7%
QTP	Tiện ích	13.9	-0.01%	0.7	6,257	5.0	1,110	12.5	1.2	0.8%	12.5%
HUT	Xây dựng	17.1	-1.16%	1.6	15,440	34.0	728	23.8	1.8	1.4%	1.6%
CSV	Hóa chất	43.0	-1.94%	1.4	4,845	161.2	1,891	23.2	3.2	1.8%	16.5%
SZC	BĐS KCN	44.5	1.25%	1.5	7,910	103.4	1,268	34.7	2.6	2.2%	12.5%
LCG	Xây dựng	10.8	-1.37%	1.9	2,114	30.3	678	16.1	0.8	2.5%	5.2%
EIB	Ngân hàng	20.5	1.49%	1.2	37,627	148.8	2,225	9.1	1.5	2.7%	14.0%
VSC	Logistics	18.0	-1.10%	1.2	5,220	45.7	893	20.4	1.1	3.2%	12.3%
DIG	BĐS	19.4	0.00%	1.8	11,801	110.8	1,246	15.5	1.5	4.1%	1.4%
CEO	BĐS	14.5	0.00%	1.7	7,836	59.8	278	52.2	1.3	4.5%	3.2%
IJC	BĐS	14.6	-0.68%	1.5	5,534	28.0	1,353	10.8	1.1	4.8%	7.9%
SIP	BĐS KCN	90.0	2.86%	0.0	18,422	125.1	3,766	23.2	4.3	4.9%	29.5%
VIB	Ngân hàng	20.8	0.97%	1.1	61,370	410.4	3,235	6.4	1.5	5.0%	18.1%
SHS	Chứng khoán	14.5	2.11%	2.0	11,547	139.6	1,019	13.9	1.0	5.4%	9.4%
VGC	BĐS KCN	52.9	0.19%	1.6	23,673	31.9	1,981	26.7	2.9	5.6%	13.7%
VTP	Logistics	148.0	-2.76%	0.0	18,535	152.7	3,038	50.1	11.6	6.8%	24.1%
HHV	Xây dựng	12.9	-0.39%	1.7	5,598	72.0	935	13.9	1.0	7.0%	4.8%
GEX	Tiện ích	22.9	2.00%	2.1	19,294	364.6	1,788	12.6	1.4	7.3%	12.3%
DBC	Bán lẻ	28.4	1.61%	1.8	9,354	187.0	2,181	12.8	1.4	7.9%	13.5%
PDR	BĐS	19.4	1.04%	2.1	16,721	113.1	1,008	19.0	1.5	7.9%	5.0%
NKG	VLXD	14.4	2.49%	1.8	6,288	158.1	751	18.7	1.1	8.0%	8.0%
DRC	Cao su	28.6	-0.52%	0.9	3,415	28.2	1,919	15.0	1.8	8.9%	12.3%
DPM	Phân bón	36.8	-1.08%	1.3	14,558	177.1	1,385	26.9	1.3	9.1%	5.3%
VND	Chứng khoán	13.6	1.50%	1.8	20,323	250.7	1,327	10.1	1.0	10.6%	9.5%
PVT	Logistics	26.3	-0.38%	1.2	9,399	41.2	2,135	12.4	1.2	12.5%	15.1%
QNS	Bán lẻ	50.4	0.29%	1.0	18,503	23.7	3,648	13.8	1.9	13.1%	25.6%
HAH	Logistics	52.4	-1.50%	1.5	6,455	161.2	2,390	22.3	2.0	13.8%	21.9%
PC1	Tiện ích	23.7	-0.21%	1.5	8,494	70.2	1,468	16.2	1.5	15.3%	8.6%
TNG	Dệt may	23.0	-1.71%	1.2	2,869	36.8	2,529	9.3	1.5	16.3%	17.5%
HDB	Ngân hàng	23.5	1.74%	1.1	80,561	420.4	3,628	6.4	1.5	17.4%	25.8%
PLX	Dầu khí	43.0	-0.46%	0.9	54,890	64.6	1,826	23.7	2.1	17.4%	11.1%
VRE	BĐS	17.4	0.58%	1.0	39,197	125.8	1,945	8.9	0.9	17.7%	10.3%
PHR	BĐS KCN	65.4	4.81%	1.3	8,455	71.8	1,810	34.5	2.3	18.8%	12.7%
DXG	BĐS	15.4	1.32%	1.8	13,193	142.1	260	58.4	1.3	18.9%	2.5%
KBC	BĐS KCN	29.8	1.19%	1.7	22,606	136.6	5,211	5.7	1.2	19.5%	2.3%
HDG	Tiện ích	28.0	1.08%	1.5	9,316	58.1	2,890	9.6	1.5	20.0%	9.4%
PTB	VLXD	60.6	0.33%	0.8	4,043	5.3	5,521	10.9	1.4	23.4%	13.2%
VCI	Chứng khoán	36.8	1.38%	1.7	26,031	312.6	780	46.5	2.0	25.4%	9.0%
MSB	Ngân hàng	11.6	0.00%	1.2	30,030	74.0	2,092	5.5	0.8	27.5%	16.2%
TPB	Ngân hàng	17.1	0.29%	1.2	44,913	219.0	2,271	7.5	1.2	30.0%	17.3%
FRT	Bán lẻ	178.8	-2.83%	1.0	25,069	189.9	734	250.7	13.1	34.5%	18.1%
DHC	Hóa chất	35.0	-0.43%	1.1	2,825	10.6	3,727	9.4	1.4	39.9%	12.6%
BSI	Chứng khoán	49.6	6.90%	2.0	10,339	94.9	1,973	23.5	2.0	41.1%	8.5%
HCM	Chứng khoán	30.6	2.34%	1.8	21,527	394.5	1,611	18.6	2.1	43.7%	11.1%
CTD	Xây dựng	94.1	-0.95%	1.7	9,493	73.5	4,303	22.1	1.1	48.9%	4.4%
REE	Tiện ích	75.0	4.17%	1.1	33,913	172.0	5,115	14.1	1.8	49.0%	11.0%
BMP	VLXD	119.3	0.68%	1.2	9,701	13.2	12,582	9.4	3.6	83.2%	36.8%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025	x		Click
2	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
14	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
15	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
16	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
21	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Định lượng

Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>